

Số: /QĐ-HĐTD

Đắk Glei, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương thức chấm điểm phỏng vấn, thực hành  
Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2022

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đắk Glei về việc tuyển dụng viên chức năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của UBND huyện về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Đắk Glei năm 2022;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch tại Tờ trình số 02/TTr-BKTSH ngày 28/3/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương thức chấm điểm phỏng vấn, thực hành (xét tuyển vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức năm 2022.

**I. Đối với các vị trí dự tuyển: Biên tập viên, Kế toán viên trung cấp, Văn thư viên trung cấp xét tuyển vòng 2 với hình thức phỏng vấn.**

**1. Kết cấu:** Gồm 2 phần với thang điểm 100.

1.1. Phần kiến thức chung: 30 điểm.

1.2. Phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ: 70 điểm.

**2. Cách thức phỏng vấn:** Thí sinh trả lời 02 câu hỏi (01 câu hỏi/01 phần kiến thức).

2.1. Phần kiến thức chung: Thí sinh rút thăm ngẫu nhiên 01 câu hỏi trong tổng số 20 câu hỏi.

2.2. Phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ: Thí sinh rút thăm ngẫu nhiên 01 câu hỏi trong tổng số câu hỏi (Vị trí dự tuyển Văn thư viên trung cấp; kế toán viên trung cấp rút thăm ngẫu nhiên 01 câu hỏi trong 10 câu hỏi; Vị trí dự tuyển Biên tập

viên rút thăm ngẫu nhiên 01 câu hỏi trong tổng số 05 câu hỏi ).

- Thời gian phỏng vấn 30 phút (*trước khi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị*). Bài chuẩn bị được ghi vào giấy nháp do Hội đồng phát ra, có chữ ký của thành viên chấm điểm.

- Thành viên chấm điểm Ban kiểm sát, sách hạch được hỏi thêm các nội dung liên quan đến vị trí việc làm cần tuyển.

**II. Đối với các vị trí dự tuyển giáo viên (Mầm non; Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Giáo viên nghề nghiệp) xét tuyển vòng 2 với hình thức thực hành 01 tiết dạy trên lớp.**

**1. Vị trí giáo viên nghề nghiệp**

1.1. Kết cấu gồm 3 phần với thang điểm 100.

1.1.1. Kế hoạch (giáo án) và tài liệu dạy học (25 điểm), có 04 tiêu chí, gồm:

- Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng (5đ);

- Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, cách tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập (10đ);

- Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học viên (5đ);

- Mức độ hợp lý của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động của học viên (5đ).

1.1.2. Tổ chức hoạt động học tập cho học viên (35 điểm), có 04 tiêu chí, gồm:

- Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập (10đ);

- Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học viên (10đ);

- Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học tập, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập (5đ);

- Khả năng tổng hợp và phân tích đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học viên (10đ).

1.1.3. Hoạt động của học viên (40 điểm), có 04 tiêu chí, gồm:

- Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học viên trong lớp (5đ);

- Tính tích cực, chủ động sáng tạo, hợp tác của học viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập (15đ);

- Khả năng tham gia tích cực của học viên trong quá trình trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (10đ);

- Tính đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học viên (10đ).

1.2. Thời gian thực hành 01 tiết dạy 45 (bốn mươi lăm) phút.

**2. Vị trí giáo viên Mầm non (dạy thực hành chương trình Lớp Chồi, Lớp Lá)**

2.1. Kết cấu gồm 04 phần với thang điểm 100.

2.1.1. Phần Kiến thức: 25 điểm. Có 05 tiêu chí gồm:

- Giáo án xác định đúng mục tiêu trọng tâm của đề tài, môn học (5đ).

- Nội dung hoạt động đảm bảo tính giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học,

có hệ thống (5đ).

- Nội dung hoạt động đảm bảo tính giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, có hệ thống (5đ).

- Khai thác nội dung hoạt động nhằm phát triển năng lực cho trẻ (5đ).

- Nội dung giáo dục phù hợp với trẻ, gần gũi, sát với cuộc sống xung quanh trẻ (5đ).

2.1.2. Kỹ năng sư phạm (35 điểm). Có 06 tiêu chí gồm:

- Sử dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp vào tổ chức hoạt động phù hợp với độ tuổi (10đ).

- Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo (5đ).

- Xử lý tình huống sư phạm hợp lý, có tính giáo dục (5đ).

- Sử dụng đồ dùng, phương tiện, thiết bị hợp lý, hiệu quả (5đ).

- Ngôn ngữ giáo viên chính xác, ngắn gọn, rõ ràng (5đ).

- Phân bố thời gian hợp lý, trình tự hoạt động cân đối, chặt chẽ (5đ).

2.1.3. Thái độ sư phạm: (15 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Giao tiếp ứng xử với trẻ tình cảm, nhẹ nhàng, không gò bó, không áp đặt trẻ (5đ).

- Tạo điều kiện cho trẻ tham gia tích cực vào hoạt động, tôn trọng và công bằng với trẻ (5đ).

- Kịp thời giúp đỡ trẻ có khó khăn trong hoạt động, động viên để trẻ phát triển năng lực học tập (5đ).

2.1.4. Hiệu quả: (25 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Tiến trình tổ chức hoạt động hợp lý, nhẹ nhàng, các hoạt động diễn ra tự nhiên, hiệu quả phù hợp với đặc điểm lứa tuổi trẻ (5đ).

- Trẻ hứng thú, tham gia tích cực vào hoạt động (5đ).

- Trẻ nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản theo yêu cầu của hoạt động (thể hiện qua sản phẩm, bài tập thực hành, trò chơi luyện tập...) (15đ).

2.2. Thời gian thực hành 01 tiết dạy.

- Lớp chồi: 30 phút.

- Lớp lá: 35 phút.

### **3. Vị trí giáo viên Tiểu học (dạy thực hành chương trình lớp 4, lớp 5)**

3.1. Kết cấu gồm 04 phần với thang điểm 100.

3.1.1. Kiến thức: (25 điểm). Có 06 tiêu chí gồm:

- Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kỹ năng, nội dung cơ bản, trọng tâm của bài dạy (5đ).

- Giảng dạy kiến thức cơ bản chính xác, có hệ thống (5đ).

- Nội dung dạy học đảm bảo giáo dục toàn diện (về thái độ, tình cảm, thẩm mỹ) (2.5đ).

- Khai thác nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh (5đ).

- Nội dung dạy học phù hợp tâm lý lứa tuổi, tác động tới các đối tượng, kể cả học sinh khuyết tật, học sinh lớp ghép (nếu có) (5đ).

- Nội dung dạy học cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế,

đời sống xung quanh của học sinh (2.5đ).

3.1.2. Kỹ năng sư phạm: (35 điểm). Có 07 tiêu chí gồm:

- Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loài bài (lý thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...) (5đ).

- Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh (10đ).

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học và theo hướng đổi mới (5đ).

- Xử lý các tình huống sư phạm phù hợp với đối tượng và có tác dụng giáo dục (2.5đ).

- Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả ĐDDH tự làm thiết thực, có hiệu quả (5đ).

- Lời giảng mạch lạc, truyền cảm; chức viết đúng, đẹp; trình bày bảng hợp lý (2.5đ).

- Phân bố thời gian đảm bảo tiến trình tiết dạy, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học (5đ).

3.1.3. Thái độ sư phạm: (15 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, ân cần với học sinh (5đ).

- Tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh (5đ).

- Kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi học sinh đều được phát triển năng lực học tập (5đ).

3.1.4. Hiệu quả (25 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Tiến trình tiết dạy hợp lý, nhẹ nhàng; các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học (5đ).

- Học sinh tích cực chủ động tiếp thu bài học, có tình cảm, thái độ đúng (5đ).

- Học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của bài học và biết vận dụng và các bài luyện tập, thực hành sau tiết dạy (15đ).

3.2. Thời gian thực hành 01 tiết dạy:

- Môn: Toán, Tiếng Việt dạy 40 (bốn mươi) phút/môn.

- Các môn còn lại: 35 (ba mươi lăm) phút/môn.

**4. Vị trí giáo viên Trung học cơ sở (dạy thực hành chương trình lớp 8, lớp 9); Vị trí giáo viên Trung học phổ thông (dạy thực hành chương trình lớp 10).**

4.1. Kết cấu gồm 03 phần với thang điểm 100.

4.1.1. Nội dung dạy học (25 điểm). Có 02 tiêu chí gồm:

- Mức độ chính xác, logic, khoa học; cập nhật và liên hệ thực tiễn (nếu có) (15 điểm).

- Mức độ trọng tâm và phù hợp với các đối tượng học sinh (10đ).

4.1.2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh: (40 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Mức độ phù hợp, linh hoạt, tương thích của các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khi giáo viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ học tập (15đ).

- Mức độ phù hợp, hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích học sinh khi giáo viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ học tập (10đ).

- Mức độ thu thập, tổng hợp, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh (15đ).

4.1.3. Hoạt động học của học sinh: (35 điểm). Có 03 tiêu chí gồm:

- Thái độ, khả năng tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập của các đối tượng học sinh trong lớp (10đ).

- Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập (10đ).

- Mức độ hoàn thành mục tiêu bài học (theo các cấp độ tư duy; nhận biết, thông hiểu, vận dụng) và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tế của học sinh (15đ).

4.2. Thời gian thực hành 01 tiết dạy: 45 (bốn mươi lăm) phút.

### **III. Phương thức chấm điểm phỏng vấn, thực hành**

**1.** Khi chấm điểm phỏng vấn, thực hành phải có ít nhất từ 02 thành viên trở lên chấm thi. Điểm chấm phỏng vấn, thực hành được các thành viên chấm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh, có chữ ký và ghi rõ họ và tên của thành viên chấm điểm.

**2.** Số điểm tối thiểu cho mỗi ý là 05 điểm đối với phỏng vấn; đối với tiết dạy thực hành số điểm tối thiểu từng tiêu chí đánh giá theo mức độ đạt được của các thí sinh khi dạy thực hành. Số điểm tối đa không quá số điểm của từng phần kiến thức trên.

**3.** Xử lý kết quả chấm điểm phỏng vấn, thực hành

a. Trường hợp các thành viên chấm điểm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở xuống (điểm của thành viên chấm cao nhất với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì lấy điểm trung bình cộng của các thành viên chấm thi làm điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 1 (một) chữ số thập phân. Các thành viên tham gia chấm điểm cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

b. Trường hợp các thành viên chấm chênh lệch nhau từ trên 5 đến dưới 10 điểm (điểm của thành viên chấm cao nhất với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì Trưởng ban kiểm tra, sát hạch tổ chức đối thoại với các thành viên tham gia chấm, sau đó Trưởng ban kiểm tra, sát hạch quyết định điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 1 (một) chữ số thập phân. Các thành viên tham gia chấm điểm và Trưởng ban kiểm tra, sát hạch cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

c. Trường hợp các thành viên chấm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên (điểm của thành viên chấm cao nhất với điểm của thành viên chấm thấp nhất) thì Trưởng ban kiểm tra, sát hạch báo cáo Chủ tịch Hội đồng tổ chức đối thoại giữa các thành viên tham gia chấm, sau đó Chủ tịch Hội đồng quyết định điểm chính thức rồi ghi điểm vào bảng tổng hợp chung. Điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 1 (một) chữ số thập phân. Các thành viên tham gia chấm điểm và Chủ tịch Hội đồng cùng ký, ghi rõ họ tên vào bảng tổng hợp chung.

**4.** Trưởng ban kiểm tra, sát hạch niêm phong kết quả chấm phỏng vấn, thực hành và bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng ngay sau khi kết thúc phỏng vấn, thực hành.

**5.** Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm thi phỏng vấn, thực

hành.

**Điều 2.** Các thành viên Hội đồng tuyển dụng; Ban giám sát kỳ xét tuyển viên chức; Ban Kiểm tra, sát hạch và các thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức năm 2022 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Ban Giám sát;
- Ban Kiểm tra, sát hạch;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NV.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Đỗ Sum**